

NGƯỜI CHĂM VÀ XỨ SỞ CHAMPA

LÊ NGỌC CANH

Dân tộc Chăm vốn có một lịch sử lâu đời, một nền văn hóa văn minh phát triển đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Đến nay số lượng công trình, bài báo, chuyên khảo về dân tộc Chăm có trên một ngàn đơn vị tư liệu, trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong bài này, chúng tôi mạnh dạn giới thiệu một số tư liệu hạn chế để bạn đọc tham khảo.

I. NGUỒN GỐC LỊCH SỬ DÂN TỘC CHĂM

1) Danh từ Chămpa.

Từ một bông hoa đẹp, tỏa ngát hương thơm, sắc trắng, loài nhị vàng, người Chăm đã lấy cái thơm, cái đẹp, cái khỏe của hoa để đặt tên quốc gia của dân tộc mình. Đó là hoa Chămpa (hoa đại). Hoa Chămpa (hoa đại) ngày nay còn được trồng ở hầu hết các đền thờ, chùa chiền của dân tộc Chăm. Hoa Chămpa (hoa đại) còn được sử dụng như một lễ vật quý để dâng lễ trong các ngày hội, ngày lễ, ngày tết của dân tộc. Đó là một phong tục tồn tại từ lâu đời của dân tộc Chăm. Chămpa với ý nghĩa, tên gọi tốt đẹp đã được lưu truyền trong nhân dân trong nhiều thế kỷ, (thời Chămpa cổ đại). Chămpa chỉ tên quốc gia, Chăm chỉ tên gọi tộc người. Đó là truyền thuyết của nhân dân Chăm về quốc gia của mình. Có lẽ vì hương sắc, vẻ đẹp của hoa Đại mà dân Chăm ưa màu trắng, màu vàng trong trang phục của mình.

2) Nguồn gốc nhân chủng.

Vấn đề xác định nhân chủng của một dân tộc khá phức tạp và phải có những luận cứ khoa học của nhân chủng học, dân tộc học, khảo cổ học mới có thể khẳng định được vấn đề rõ ràng. Bước đầu chúng tôi

chỉ đề cập tới một số ý kiến về nguồn gốc khác nhau của người Chăm.

Về nguồn gốc nhân chủng, trước kia có người cho rằng người Chăm là một giống người có sự kết hợp bởi một số nhân tố thuộc các giống người khác nhau: Người Chăm là một giống lai giữa các giống Mông Cổ, giống thượng In-đô-nê-xia, giống Mã Lai và giống An Aryen (1). Trên thực tế những nhân tố giống người này đã tạo cho người Chăm có một số đặc dạng sau:

Nước da sáng ngăm đen, thân hình thon vừa phải, cao trung bình 1m60, tóc hơi gợn sóng, mắt đen, to và sáng.

Qua khảo sát thực tế, được tiếp xúc với người Chăm và đối chiếu với những đặc trưng nhân dạng của người Chăm, kết hợp với sự nghiên cứu về cơ sở kinh tế, văn hóa, nghệ thuật, phong tục, tín ngưỡng người Chăm, chúng tôi cho rằng những đặc trưng nhân dạng trên là sát với thực tế tồn tại. Đó là một luận cứ về nguồn gốc nhân chủng đáng tin cậy.

Keru và Maitre xếp người Chăm vào loại giống người Mã Lai đa đảo (2) (Malayo-Polynésien). Họ nói tiếng Mã Lai đa đảo, viết chữ Chăm và viết cả chữ Phạn. Chữ Chăm tương tự chữ Căm-pu-chia và chữ Mã Lai. Chúng đều có liên quan đến gốc miền nam Ấn Độ. Chữ Chăm cũng là một loại văn tự cổ nhất Viễn đông (3). có nguồn gốc chữ Phạn.

Theo một số nhà khảo cổ phương Tây cho rằng người Chăm là một giống dòng Mã Lai đa đảo (Malayo-Polynésien), chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ, mà sau này vẫn còn chế độ mẫu hệ. Họ di cư sang miền nam của mảnh đất miền trung Việt Nam từ nhiều thế kỷ trước công nguyên.

3) Nguồn gốc lịch sử.

Truyền thuyết

Truyền thuyết cổ xưa của dân tộc Chăm lưu truyền trong nhân dân, vua Chăm gốc là người nhà trời. Xưa kia bà Nagar hay Thiên-y-a-na vốn là người nhà trời giáng sinh ở núi Đại An. Bà Nagar được sự giúp đỡ của thần tiên bà ẩn mình vào một cây gỗ trầm hương để theo sóng biển đi khắp đó đây. Sau bà gặp một người đàn ông rời họ lấy nhau, sinh được hai người con. Sau một thời gian bà lại trở về với người Chăm. Thấy dân chúng lâm than khổ sở, bà ra công đoàn tụ người Chăm ở khắp mọi nơi lại thành vùng và xưng làm vua. Từ đó trở đi người Chăm có các chế độ vua thay nhau lên ngôi. Cũng từ đó người ta gọi bà là Pô Nagar. Theo tiếng Chăm có nghĩa là bà chúa xứ sở - người đã lập nên xứ sở của người Chăm. Ngày nay còn rất nhiều tháp, miếu thờ bà Nagar ở khắp mọi nơi của người Chăm cư trú. Ngọn tháp lớn nhất còn tồn tại đến ngày nay là tháp ở Nha Trang, trông ra cửa sông Nha Trang. Người ta thường gọi đó là Tháp Bà (Nagar).

Tư liệu lịch sử.

Ngược dòng lịch sử, cho chúng ta thấy lịch sử hình thành quốc gia Champa cổ đại có nhiều biến đổi, thăng trầm khá rõ nét. Từ quốc gia Lâm Ấp, Hoàn Vương, đến Champa, (Chiêm Thành) mà khởi nguồn của chúng là quận Tượng Lâm (Tượng Châu). Chúng ta hãy cùng nhau lần theo những chặng đường lịch sử ấy.

Lâm Ấp

Có ý kiến cho rằng, quốc gia của người Chăm có ít nhất cũng vào khoảng 2000 năm trước, ở miền trung Trung bộ. Đất bản bộ Champa được ghi chép trong thư tịch cổ, bia ký, trùng hợp với địa bàn phân bố của văn hóa Sa Huỳnh từ miền trung đến miền đông Nam bộ... Thư tịch Trung Quốc thì ghi nhà nước Chăm đầu tiên là Lâm Ấp, đã ra đời vào cuối thế kỷ II sau

công nguyên. Bia Vô Canh ở Nha Trang cũng có ghi niên đại thế kỷ II (năm 192) sau công nguyên cùng thời với quốc gia Sri Mara. Sa Huỳnh giai đoạn muộn rất gần, thậm chí trùng với buổi đầu của nhà nước Chăm (4).

Ý kiến khác cho rằng, quốc gia Chăm có khoảng cuối thế kỷ I đến thế kỷ II. Có lẽ khởi nguồn quốc gia của người Chăm là từ quận Tượng Lâm (Tượng Châu), một quận do nhà Đông Hán lập năm 102 (Nhâm Dần) "... Một quận gọi là Tượng Châu thống thuộc Bộ Việt - Thường dưới sự đô hộ của nhà Hán. Vào năm Nhâm Dần (102) một người ở quận Tượng Châu là Sri Mara (Khu Liên) nổi lên giết quan huyện Tàu tự xưng làm vua đối quận Tượng Châu thành nước Lâm Ấp..." (5). Từ đó Lâm Ấp là quốc gia đầu tiên của dân tộc Chăm, nó tồn tại và có vai trò quan trọng trong lịch sử Champa. Và cũng chính người Chăm là Khu Liên xưng vua đầu tiên của quốc gia này.

Quốc gia Lâm Ấp đã sản sinh ra những đời vua để xây dựng xứ sở của mình.

Đầu tiên là vua Khu Liên, sau truyền ngôi cho con gái là Phạm Hùng (vua thứ 2, năm 270). Phạm Hùng truyền ngôi cho con là Phạm Dật (vua thứ 3) khi Phạm Dật qua đời năm 336 thì tướng của Phạm Dật là Phạm Văn lên cướp ngôi vua (vua thứ 4). Tiếp đến, con của Phạm Văn là Phạm Phật lên nối ngôi Cha (vua thứ 5 khoảng từ năm 352). Khi Phạm Phật qua đời thì con là Phạm Hồ Đạt (Bhadravarman) nối ngôi (vua thứ 6 năm 380).

Thời vua Phạm Hồ Đạt (Bhadravarman) đã xây dựng nhiều thành lũy, lâu đài tráng lệ có giá trị. Như thành Mĩ Sơn, Trà Kiêu...

Dấu ấn quan trọng của giai đoạn lịch sử này là xây dựng một quốc gia đầu tiên của dân tộc Chăm và là một trong những quốc gia cổ đại Đông Nam Á, làm nền móng cơ bản cho các giai đoạn phát triển lịch sử của

dân tộc Chăm. Điều quan trọng phải kể tới là nhiều thành lũy, lâu đài, đền, tháp kiến trúc tráng lệ phát triển ở giai đoạn này, còn tồn tại trong lịch sử của dân tộc Chăm, văn hóa Chăm.

Hoàn Vương

Sau khi lên ngôi, thế kỷ VIII, khoảng năm 749 Rudravarman II, điều hành, ổn định bờ cõi, củng cố xây dựng những thành lũy của mình. Năm 758 Rudravarman II đổi tên Lâm Ấp thành Hoàn Vương quốc.

Một thời gian sau vua Rudravarman truyền ngôi cho con của người em gái tên là Satyavarman để trấn giữ, xây dựng bờ cõi, mà kinh đô là Virapura (Phan Rang).

Tiếp theo, con vua Satyavarman là Indravarman nối ngôi và tiếp tục sự nghiệp của vua cha. Indravarman chấm dứt một giai đoạn lịch sử của dân tộc Chăm, của Hoàn Vương quốc.

Champa (Chiêm Thành)

Champa của người Chăm kéo dài từ năm 875 đến các giai đoạn lịch sử sau này, và cũng có nhiều biến động lúc thịnh, lúc suy.

Khởi đầu là năm 875 Indravarman II lên ngôi, sáng lập một triều đại mới ở đất Chăm. Xây thành, kinh đô Indrapura ở Quảng Nam - Đà Nẵng và đổi tên nước là Champa. "Trong đời vua này tương đối yên ổn, ông thông hiếu với Trung Hoa và các nước láng giềng. Trong đời vua này Phật giáo đại thừa đặt được một nền móng quan trọng ở đây. Nhiều cơ sở Phật giáo được xây cất ở Đông Dương. Khi vua mất lấy niên hiệu là Paramabuddhaloka, đủ chứng tỏ rằng Phật giáo đã ảnh hưởng nhiều trong triều đình Chiêm Thành..." (6).

Khoảng năm 918 vua Indravarman III lên ngôi.

Năm 979 vua Pareme Cvaravarman, tiếp theo là vua Indravaman IV, và một đời vua khác.

Năm 989 Harivarman II lên ngôi vua,

ông xây dựng và bảo vệ thành Indrapura.

Năm 999 Yangpuku Vijaya Cri nối nghiệp và rời đô về Chà Bàn (Bình Định) thời kỳ này vua cho xây thành Vijaya và một số tháp đồ sộ tráng lệ.

Trong những năm 1026, 1044, 1068, 1074 và 1104 là những cuộc chiến tranh giữ gìn và phát triển bờ cõi và củng cố là những năm tháng thăng trầm của vương quốc Champa.

Năm 1074 Harivarman IV lên ngôi, và xây dựng lại xứ sở Champa đồ sộ tráng lệ như xưa. Ông cho xây thành Simhapura ở Quảng Nam - Đà Nẵng và nhiều cung điện ở Mi Sơn.

Tiếp theo là các vua Chăm là Indravarman III (1131) Rudravarman IV (1145).

"Năm 1174 một người thuộc dòng Paramabodhisativa lên ngôi, lấy hiệu là Jaya Hiravarman I.

Từ năm 1203 đến 1220 Champa bị phụ thuộc vào nước ngoài, kinh đô Vijaya thất thủ.

Sau một thời gian người Chăm, không bị phụ thuộc, họ tiếp tục xây dựng xứ sở Champa của mình.

Thời kỳ này vua người Chăm là Chế Mân. Khoảng năm 1307 Chế Mân qua đời, Chế Chí nối ngôi.

Tiếp theo là thời Chế Bồng Nga (1360-1390) và những thời kỳ sau này.

Như vậy, vương quốc Champa tồn tại, phát triển trong nhiều thế kỷ, nối tiếp từ Lâm Ấp, Hoàn Vương đến Champa.

Dân tộc Chăm cũng như các dân tộc anh em khác trong đại gia đình tổ quốc Việt Nam có một lịch sử vẻ vang của mình. Trái qua những thời gian, biến đổi lịch sử, xã hội, các dân tộc luôn có tinh thần đấu tranh với thiên nhiên, ngoại xâm để bảo vệ, xây dựng xứ sở của mình.

Vương quốc Lâm Ấp, Hoàn Vương,

Champa là một trong những quốc gia sớm nhất ở Đông Nam Á, và có một nền văn hóa, văn minh Champa do các triều vua điều hành.

Bảng tổng hợp một số đời vua Chăm

Vua khu Liên năm 192

Vua Phạm Hùng năm 270

Vua Phạm Dật

Vua Phạm Văn

Vua Phạm Phật năm 352

Vua Phạm Hồ Đạt (Bhadravarman năm 380)

Vua Rudravarman II năm 749

Vua Satyavarman

Vua Indravarman

Vua Indravarman II năm 875

Vua Indravarman III năm 918

Vua Indravarman IV

Vua Harivarman II năm 989

Vua Yangpuku Vijaya năm 999

Vua Harivarman IV năm 1074

Vua Indravarman năm 1131

Vua Rudravarman IV năm 1145

Vua Jaya Hirivarman I năm 1174.

Tiếp theo là các đời vua Chế Mân, Chế Bồng Nga.

4. Lịch sử đấu tranh

Trong truyền thống lịch sử đấu tranh của dân tộc Việt Nam nói chung, dân tộc Chăm cũng là một dân tộc có truyền thống đấu tranh từ ngàn xưa. Khi quân Nguyên Mông xâm lược nước ta, người Chăm đã cùng người Việt sát cánh cùng các dân tộc khác, đứng lên bảo vệ bờ cõi. Lúc bấy giờ ngoài nhân dân lao động Chăm, còn có thái tử Harifit (sau là vua Simhavarman III tức Chế Mân) cũng góp sức đấu tranh. Ở vùng Trị Thiên, xưa kia dân tộc Chăm đã tổ chức kháng chiến đánh bại quân Toa Đô. Trong phong trào Tây Sơn, người Chăm cùng các thủ lĩnh như: Thị Hảo, Pô Tithur

da Paran, Pô Tithur da Pagul, v.v... đã sát cánh với dân tộc Việt và các dân tộc anh em, chung sức chiến đấu, chống giặc ngoại xâm.

Năm 1869 một người Chăm ở Palay Răm (Văn Lâm, Thuận Hải cũ) cùng nhân dân đứng lên chống sưu cao thuế nặng và giết bọn cường hào ác bá.

Năm 1859 giặc Pháp tiến công Gia Định, đã có hàng ngàn người Việt và Chăm cùng vào Gia Định chiến đấu chống Pháp.

Năm 1866-1867, dân tộc Chăm sát cánh với các dân tộc khác phối hợp vùng lên khởi nghĩa đánh Pháp ở Tây Ninh.

Năm 1884-1887, Pháp định sáp nhập (Ninh - Bình Thuận vào nơi chiếm đóng của chúng ở Nam bộ, nhưng đồng bào Chăm đã nổi dậy và giết chết tên cống sứ Pháp.

Đầu thế kỷ 20, phong trào yêu nước "Duy Tân" phát triển mạnh ở vùng Chăm Châu Đốc và Ninh Bình Thuận. Từ năm 1928 trở đi, phong trào yêu nước đã có ý thức và nội dung của tư tưởng vô sản. Các tổ chức như "Tân Việt cách mạng Đảng" được thành lập và hoạt động. Tại một thôn Chăm ở Nam trung bộ cơ sở Đảng cộng sản Đông Dương được tổ chức sớm nhất trong vùng. Năm 1930, sau khi chi bộ Đảng Ninh Bình Thuận được thành lập, ngọn cờ búa liềm của Đảng đã phấp phới tung bay ở Phan Thiết, Lại Yên, Tuy Hòa, Ngã Hai, Tháp Chàm, v.v... (7) Tiếp đó là các cơ sở Đảng ở Phan Rang, Tháp Chàm, Hàm Thuận, Hàm Tân được thành lập.

Từ đó phong trào cách mạng của đồng bào Chăm ngày càng phát triển mạnh mẽ. Năm 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc Chăm cùng cả nước đứng lên cướp chính quyền ở địa phương.

Khi có phong trào "Tuần lễ vàng". "Hũ gạo cứu quốc" được tổ chức, được phát động, thì đồng bào Chăm đã tích cực tham gia. Đáng chú ý là những đồ thờ, những

bảo vật quý của vua chúa xưa để lại, chúng rất thiêng liêng với đồng bào Chăm, đồng bào cũng đóng góp cho cách mạng. Chẳng hạn, đồng bào Chăm ở thôn Tịnh Mỹ (Palcapar) Phan Lý Chăm đã tặng "quý cứu quốc" nhiều báu vật bằng vàng.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, bọn địch luôn đàn áp và chia rẽ đồng bào Chăm, nhưng họ vẫn đoàn kết và dũng cảm chiến đấu, kháng chiến. Lúc đó dân Chăm vang lên tiếng hát giết giặc, nhất là trong các đội tự vệ, dân quân Chăm. Họ thường hát rằng:

"Bay ai tray loi pok phao nao chuôn Tây"

Dại ý:

"Hỡi anh em hãy cầm gậy, cầm súng đi đánh Tây".

Bằng vũ khí thô sơ các đội du kích dân quân Việt Chăm đã lập nhiều chiến công, đó là:

Du kích: Bình Nghĩa (Pai Riga), Hữu Đức (Hamu Tanran), Vĩnh Thuận (Hamu rô), Lạc Trị (Ca vết), Lệ Nghi (Inu Kayong), Mai Lánh (Sân pingu), Thanh Hiếu, (Yô Yang), Ma Lâm Chiêm (Hamu Akav)...

Họ luôn bám làng bảo vệ dân, giết địch phối hợp với bộ đội chủ lực tấn công địch.

Trong thời Mỹ-ngụy đồng bào Chăm vẫn phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết với các dân tộc anh em chống khủng bố, đàn áp, lừa phỉnh, mua chuộc của bọn Mỹ-ngụy. Họ tích cực tham gia các cuộc biểu tình, tham gia các đội du kích để bảo vệ cách mạng. Có nhiều người đã bị bắt, bị tù đầy, bị đánh đập dã man. Họ vẫn giữ vững tinh thần đấu tranh cách mạng, như đồng chí: Bô Xuân Long thôn Trị Đức (Phan Lý Chăm) bị cầm tù đầy ra Côn Đảo, Phú Quốc suốt 10 năm trời và đồng chí Nguyễn Thị Quán cũng bị bắt, đến ngày giải phóng miền Nam, đồng chí mới được cứu thoát. Đồng chí Bô Xuân Đồng (tức Thế) ở Phan Lý Chăm, cũng bị giam tù ở

Côn Đảo gần 10 năm liền...

Trải qua lịch sử lâu dài, dân tộc Chăm đã cùng các dân tộc anh em trong gia đình Việt Nam luôn phát huy truyền thống cách mạng của dân tộc. Làm vẻ vang lịch sử huy hoàng của Tổ quốc Việt Nam.

Ngày nay dân tộc Chăm đang cùng với các dân tộc anh em kề vai sát cánh xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

II - DÂN SỐ - ĐỊA VỰC CƯ TRÚ

Dân số

Dân số Chăm có nhiều số liệu và biến động khác nhau theo từng thời kỳ. Theo số liệu trước 1975 người Chăm có trên dưới 70.000 người ở các tỉnh Châu Đốc, Tây Ninh, Ninh Thuận, Bình Thuận và Biên Hòa, TP Hồ Chí Minh. Chủ yếu ở Ninh Thuận, Bình Thuận, và tập trung hơn cả là huyện Ninh Phước và Bắc Bình. Sách *Người Chăm ở Thuận Hải* (8) cho ta những số liệu như sau:

Năm 1881 ước lượng ở Bình Thuận, Ninh Thuận có 30.000 người.

Năm 1907-1908 chỉ còn khoảng 15.000 người.

Năm 1910-1913 người Chăm ở Trung bộ có 15.389 người.

Như vậy, vào những năm đầu thế kỷ XX, người Chăm ở Ninh Bình Thuận, có khoảng 15.000 người.

Năm 1940 người Chăm ở Ninh, Bình Thuận có 15.870 người (Phan Rí 6.165 người, Phan Thiết 885 người, Tánh Linh 620 người).

Năm 1963 người Chăm ở Ninh, Bình Thuận có 33.500 người.

Năm 1975 người Chăm Ninh, Bình Thuận có khoảng 40.000 người.

Sau đây là bản phân bố dân số hai huyện Ninh Phước và Bắc Bình để chúng ta tham khảo. Hai huyện này có số dân Chăm cư trú đông nhất hiện nay.

DÂN SỐ CHĂM Ở HUYỆN NINH PHƯỚC (9).

| Tên xã | Dân số chung | Dân số Chăm | Tỷ lệ % |
|------------------|--------------|-------------|---------|
| Toàn huyện | 100.895 | 26.037 | 25,80 |
| Khu vực Nhà nước | 3.025 | 302 | 10 |
| Khu vực nhân dân | 97.870 | 25.735 | 26,30 |
| 1. Phước Dân | 10.943 | 2.493 | 22,78 |
| 2. Phước Hậu | 8.762 | 4.197 | 47,90 |
| 3. Phước Sơn | 14.373 | - | - |
| 4. Phước Thuận | 9.163 | 917 | 10 |
| 5. Phước Hữu | 8.320 | 4.368 | 52,50 |
| 6. An Hải | 7.353 | 794 | 10,80 |
| 7. Phước Thái | 6.732 | 2.907 | 43,18 |
| 8. Phước Nam | 7.782 | 6.031 | 77,50 |
| 9. Phước Hải | 8.271 | 4.011 | 48,50 |
| 10. Diên Hải | 7.874 | - | - |
| 11. Dinh Hải | 4.350 | - | - |
| 12. Nhị Hà | 2.594 | 14 | - |
| 13. Phước Hà | 1.353 | 3 | - |

Đèo Ngang
Cửa Việt
Đèo Hải Vân
Trà Kiệu
MI Sơn
Đồ Bàn
Đèo Cù Mông
Phan Rang
Phan Thiết
Phan Ri
Phan Lý Chăm
Tuy Phong
Hòa Đa
Hàm Thuận
Biên Hòa

DÂN SỐ NGƯỜI CHĂM Ở HUYỆN BẮC BÌNH (10)

| Tên xã | Tên thôn | Số hộ | Số khẩu | Số người bình quân trong hộ |
|------------|------------|-------|---------|-----------------------------|
| Phan Hòa | | 734 | 4.463 | 6 |
| | Hậu Quách | 333 | 1.990 | 6 |
| | Minh Mỹ | 310 | 1.874 | 6 |
| | An Bình | 91 | 599 | 6,6 |
| Phan Hiệp | | 521 | 3.197 | 6,1 |
| | Thanh Hiếu | 105 | 634 | 6 |
| | Trị Đức | 185 | 1.056 | 5,7 |
| Phan Thanh | | 519 | 3.315 | 6,4 |
| | Cánh Diên | 114 | 571 | 5 |
| | Tịnh Mỹ | 117 | 681 | 5,8 |
| | Thanh Kiệt | 177 | 1.366 | 7,7 |
| | Trị Thái | 111 | 751 | 6,7 |
| | Châu Hạnh | 271 | 1.507 | 6,5 |

Châu Đốc
Tây Ninh
Chủ yếu thuộc tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận.

Những nơi tập trung trong từng thời kỳ và được xem như trung tâm văn hóa, xã hội, kinh tế dân tộc Chăm là:

Virapura (Phan Rang) năm 749.
Indrapura (Quảng Nam-Đà Nẵng) năm 875.
Vijaya năm 999.
Đồ Bàn năm 1000.
Simhapura (Quảng Nam - Đà Nẵng) năm 1074.

Địa vực cư trú

Người Chăm xưa sống rải rác ở nhiều nơi từ miền Trung đến miền Nam. Căn cứ vào những cổ vật chúng ta có thể xác định ranh giới, địa vực, cư trú của người Chăm. Phía Nam thì đến Biên Hòa, Châu Đốc.

Sau đây là những địa vực chủ yếu dân tộc Chăm đã cư trú từ thuở xa xưa đến nay:

Trà Kiệu năm 1402.
MI Sơn
Đờng Dương.
Cù Mông năm 1471.
Varalto năm 1611.
Phan Rang năm 1653.

CƠ CẤU DÂN SỐ NĂM 1942 VÀ 1988 CỦA NGƯỜI CHĂM Ở THUẬN HẢI CŨ (11)

| Đầu 1942 | | | Cuối năm 1988 | | | | | | | |
|--------------|---------------|---------------|---------------|--------------|---------------|--------------|--------------|--------------|---------------|---------------|
| | Phan Rí | Phan Rang | | Mỹ Nghiệp | Hữu Đức | Chất Thường | Hiếu Lễ | Hoài Trung | Hoài Nhơn | Tổng cộng |
| Dưới 18 tuổi | | | Dưới 1 tuổi | | | | | | | |
| Tổng số | 1250 (34%) | 3640 (41%) | Tổng số | 740 (53%) | 1978 (55%) | 705 (55%) | 766 (51%) | 919 (55%) | 1152 (50%) | 6270 (53%) |
| Nam | 610 | | Nam | 379 | 979 | 378 | 303 | 457 | 590 | 3176 |
| Nữ | 646 | | Nữ | 361 | 999 | 327 | 373 | 462 | 562 | 3094 |
| Từ 18 đến 60 | | | Từ 16 đến 60 | | | | | | | |
| Tổng số | 2155 (59%) | 5016 (56%) | Tổng số | 592 (42%) | 1459 (41%) | 507 (40%) | 690 (45%) | 696 (41%) | 1012 (44%) | 4946 (42%) |
| Nam | 1024 | 1895 | Nam | 246 | 649 | 250 | 333 | 334 | 461 | 2273 |
| Nữ | 1131 | 3121 | Nữ | 346 | 810 | 257 | 367 | 362 | 551 | 2673 |
| Trên 60 tuổi | | | Trên 60 tuổi | | | | | | | |
| Tổng số | 236 (7%) | 243 (3%) | Tổng số | 70 (5%) | 137 (4%) | 66 (5%) | 59 (4%) | 69 (4%) | 136 (6%) | 537 (5%) |
| Nam | 102 | | Nam | 36 | 68 | 32 | 23 | 32 | 68 | 259 |
| Nữ | 161 | | Nữ | 34 | 69 | 34 | 36 | 37 | 68 | 278 |
| Dân số chung | | | Tổng số | | | | | | | |
| Tổng số | 3674 | 8899 | Tổng số | 1402 | 3574 | 1278 | 1515 | 1684 | 2300 | 11.753 |
| Nam | 736 | | Nam | 661 | 1696 | 660 | 749 | 823 | 1119 | 5.708 |
| Nữ | 1938 | | Nữ | 741 | 1878 | 618 | 766 | 861 | 1181 | 6.045 |

III. THIẾT CHẾ XÃ HỘI.

1. Tổ chức làng xã thân tộc

Trước kia người Chăm theo chế độ mẫu hệ, người đàn bà có vai trò quan trọng chủ yếu trong gia đình, các con theo họ mẹ, người phụ nữ đi hỏi chồng, cưới chồng, v.v... Người đàn bà có trách nhiệm, nghĩa vụ thờ cúng tổ tiên và giữ gìn hương hỏa.

Xã hội Chăm đã chuyển sang chế độ phong kiến nhưng còn nhiều tàn dư của chế độ thị tộc bộ lạc. Về cơ bản thị xã hội Chăm có hai thị tộc (Hà lâu bul phép)

- Thị tộc Cau (Pi năng)
- Thị tộc Dừa (Li u)

Mỗi thị tộc lại có tổ tiên thờ cúng riêng của mình.

- Tổ tiên dòng Núi (atau chok)
- Tổ tiên dòng Biển (atau Taxi)

Tổ tiên dòng Núi (atau chok) là thuộc thị tộc Cau và thị tộc dòng Biển (atau Taxi) thuộc thị tộc Dừa. Thị tộc Cau trước đây được coi như thị tộc bình dân (Bal la co hoa howni) (dân cây kéo roi). Thị tộc Dừa là thị tộc hoàng phái và quý tộc (A kha patao Bamao muh) (gốc vua mũ vàng).

Thị tộc (Hà lâu bul phép) là bộ phận tổ chức xã hội cao nhất của người Chăm.

Dưới thị tộc là các chiết atau (dòng họ, tộc họ). Các chiết atau được tổ chức quay quần trong thôn xóm. Mỗi chiết atau cư trú trong một địa vực nhất định, có ranh giới rõ ràng. Mỗi chiết atau có khoảng 50 đến 150 gia đình. Đây là một hình thức tập hợp quần tụ dòng họ gần nhau sống với nhau.

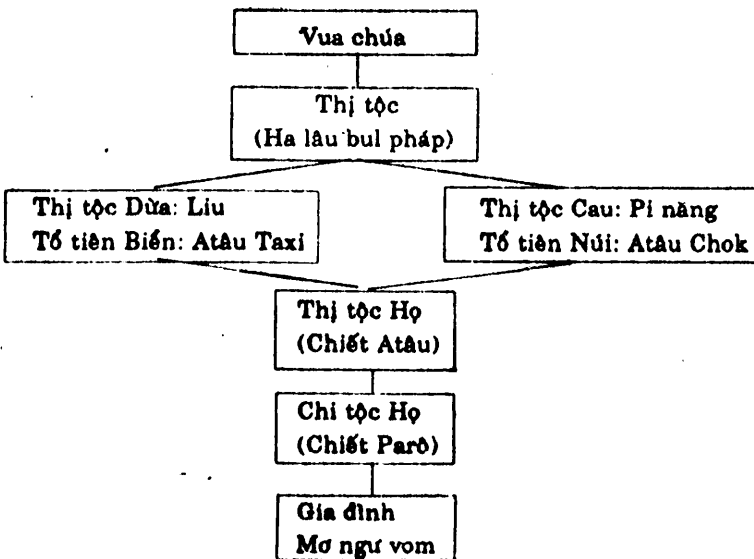
Dưới chiết atau tộc họ là các chiết Paró (chi tộc). Trong một chiết atau (dòng họ) có nhiều chiết Paró (chi tộc). Mỗi chiết

Parô (chi tộc) có từ 10 đến 15 gia đình hợp thành, do một "Mun Parô" - bà tôn chi tức là người đứng đầu của một chi. Chiết atâu ba năm cúng một lần, cũng có chiết atâu năm năm cúng một lần.

Người đứng đầu và có khả năng tập trung những người cùng một chiết atâu (dòng họ) là bà "tôn mẩu" (mụ ra chà). Bà là người chuyên chăm lo, tổ chức, thực hiện nghi lễ thờ cúng tổ tiên trong dòng họ. Bà là người có uy tín trong họ, luôn quan tâm đến dòng họ, giữ được những quy chế tổ tiên đã quy định nên được bầu làm "tôn mẩu" của chiết atâu. (12)

Trước kia khi tầng lớp vua chúa, quý tộc mất vai trò lịch sử trong xã hội thì đẳng cấp tăng lữ (Ha lâu đen nưng - Bà la môn và Hồi giáo) là những người chỉ phối toàn bộ xã hội Chăm. Tôn giáo chỉ phối xã hội nhưng cũng có phần nào chung hòa phong tục tập quán cổ truyền của dân tộc. Khi đẳng cấp tăng lữ lãnh đạo xã hội thông qua tôn giáo, tập trung vào tôn giáo để thu hút ngày càng mạnh mẽ cộng đồng dân tộc trong xã hội. Các thần lại được phát huy ngày càng cao. Tổ chức làng xóm thân tộc Chăm thì vai trò thị tộc (Ha lâu bul pháp) là rất quan trọng và đẳng cấp tăng lữ (Bahman) điều khiển xã hội Chăm.

Sau đây là sơ đồ tổ chức xã hội Chăm



Như vậy, hệ thống tổ chức xã hội Chăm gồm có:

Ha lâu bul pháp (thị tộc)

Chiết atâu (tộc họ)

Chiết Parô (chi tộc)

Mơ ngư Vom (Gia đình) (13)

Cơ cấu và thiết chế xã hội Chăm trước đây đã chỉ phối 4 tầng lớp xã hội. Theo lời ghi trên bia Mỹ Sơn thì dưới đời vua Jayu Indravarman (1088) xã hội Chăm có 4 giai cấp:

Bahman - tăng lữ

Kosatrios - Vũ sỹ

Vaioyas - lao nông

Cudra - cùng đinh (14).

Trước đây trong dân gian Chăm họ còn phân biệt 4 đẳng cấp sau đây:

Đẳng cấp tu sĩ Bà la môn - Halâu D'aming (cội nguồn vững chắc).

Đẳng cấp quý tộc - A kha patao Bomao mưh (gốc vua núi vàng).

Đẳng cấp bình dân (lao nông) - Bal la - ca hoa hwai (dân cây kéo roi).

Đẳng cấp nô lệ - Hu lin, Hu lac (tôi tớ, sâu bọ).

2. Thiết chế xã hội Chăm

Thuở xưa xã hội Chăm được tổ chức theo chế độ vua chúa. Vua là người cai quản toàn bộ xã hội. Vua được chia thành các đời vua mang tên hiệu khác nhau, vua con kế thừa vua cha, nối tiếp nhau lên ngôi. Và các triều đại khác nhau thiết lập những ngôi vua để điều khiển xã hội như:

Vua Vikrântavarman

năm 653

Triều đại Panduranga năm 749-854

Triều đại Indrapura năm 854 - 1000

Vua Indravarman II

Vua Yang Puku vijaya

Vua Hariw varman IV năm 1074

Vua Jaya Indravarman III năm 1143

Vua Jaya Harivarman I năm 1149

Vua Jaya Simharvarman III năm 1305
(15).

...

Trong gia đình và tổ chức nhà vua có những hoàng hậu, hoàng tử, công chúa và quân quan phụ trách các ngành trong cơ cấu tổ chức của nhà vua.

Lịch sử dân tộc Chăm, xứ sở Champa là lĩnh vực nghiên cứu rất phong phú, phức tạp và hấp dẫn, dưới nhiều góc độ, cấp độ khác nhau.

Bởi vậy trong bài viết này chúng tôi chỉ đề cập đôi nét tìm hiểu dân tộc Chăm, qua một số tư liệu về nguồn gốc lịch sử, địa vực cư trú, thiết chế xã hội. Mong góp phần nhỏ bé về một dân tộc có nhiều vấn đề cần được nghiên cứu. Nhất là khoa học lịch sử, khoa học xã hội.

CHỮ THÍCH

(1) Nguyễn Khắc Ngữ - *Mẫu hệ Chăm*. Nxb Trình bày. Xuất bản tại Sài Gòn, 1967, tr. 17.

(2) G. Olivier và H. Chagnoux *Anthropologie physique des chams* BSEI XXVI n. 3 - 1951.

(3) A. Bergaigne - "L'ancien royaume Champa dans l'Indochine", *Journal Asiatique* XI tháng 1-1968, tr.15.

(4) Cao Xuân Phổ (Lời giới thiệu) *Điều khắc Chăm*, Nxb KHXH, Hà Nội, 1988.

(5) Nguyễn Trác Di - *Đồng bào các sắc tộc thiểu số VN*. Bộ phát triển sắc tộc ấn hành. Sài Gòn 1972, tr. 89.

(6) Nguyễn Khắc Ngữ - *Mẫu hệ Chăm*, Nxb Trình bày, Sài Gòn 1966, tr.21.

(7) *Thuận Hải giầu và đẹp*. Ty Văn hóa và thông tin Thuận Hải xuất bản 1978, tr. 22.

(8) *Người Chăm ở Thuận Hải*. Sở VH TT Thuận Hải xuất bản 1989. Nhiều tác giả (Phần tác giả - Nguyễn Việt Cường).

(9) Như trên, Tr. 84.

(10) Như trên

(11) Như trên, tr. 97.

(12) Tham khảo Man Mod - Đặc điểm gia đình thân tộc và xã hội của đồng bào Chăm - những vấn đề dân tộc ở miền Nam Việt Nam, Viện KHXH TP Hồ Chí Minh. 1978.

(13) Man Mod - Tài liệu đá dẫn, tr. 54.

(14) Vương Khả Lâm - *Chiêm thành lược khảo*. Nxb Đông Tây, Hà Nội, 1936.

(15) Tài liệu giới thiệu "Viện bảo tàng Đà Nẵng". Viện Khảo cổ. Sài Gòn và viện bảo tàng Đà Nẵng ấn hành, tr: 5.

